

Số: 01 /TT-PXU

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Phú Xuân

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DPX

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở 1: Số 28 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Nhuận, quận Thuận Hóa, thành phố Huế;

- Cơ sở 2: Số 176 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế;

- Cơ sở 3: đường Đặng Huy Trứ nội dài, phường An Tây, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://phuxuan.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0234.7306888

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://phuxuan.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://phuxuan.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức tuyển sinh: Năm 2025, Trường Đại học Phú Xuân xét tuyển theo 04 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT);

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ). Đối với phương thức này, sử dụng kỳ thi bổ trợ bổ sung bằng hình thức phỏng vấn;

- **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- **Phương thức 4:** Xét tuyển đối tượng đã tốt nghiệp 1 trình độ đào tạo (Trung cấp, Cao đẳng, đại học và tương đương).

2.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng điểm nhận hồ sơ):

2.2.1. Phương thức 1

- Nhà trường sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi điểm thành điểm thi môn ngoại ngữ trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (nếu có nguyện vọng).

Stt	Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
			Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
1	Tiếng Anh	IELTS	5.0 - 5.5	6.0 - 6.5	7.0 trở lên
		TOEFL Paper	477 - 510	513 - 547	550 trở lên
		TOEFL CBT	153 - 180	183 - 210	213 trở lên
		TOEFL IBT	53 - 64	65 - 78	79 trở lên
		TOEIC	601 - 700	701 - 900	901 trở lên
2	Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Điểm ngoại ngữ quy đổi			8,0	9,0	10

2.2.2. Phương thức 2

a) Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (Học bạ):

1/. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập (Học bạ) **3 học kỳ THPT**: HK2 lớp 11, **HK1 lớp 12 và HK2 lớp 12** với điểm trung bình cộng các môn từ 18 điểm trở lên (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định;

2/. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập (Học bạ) THPT theo **tổ hợp 3 môn**: HK2 lớp 11, **HK1 lớp 12 và HK2 lớp 12** có điểm trung bình cộng ba môn trong tổ hợp đạt từ 18 điểm trở lên (điểm làm tròn một số thập phân):

- Điểm trung bình HK2 lớp 11, HK1 lớp 12, HK2 lớp 12 môn 1;
- Điểm trung bình HK2 lớp 11, HK1 lớp 12, HK2 lớp 12 môn 2;
- Điểm trung bình HK2 lớp 11, HK1 lớp 12, HK2 lớp 12 môn 3.

Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào Trường quy định.

3/. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập (Học bạ) THPT của **6 học kỳ** THPT: Điểm trung bình cộng các môn học cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 từ 18 điểm trở lên (điểm làm tròn một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

4/. Điểm trung bình của cả 3 năm học cấp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,5 điểm trở lên.

Lưu ý: Các thí sinh có điểm từ 16.0 (bao gồm cả điểm ưu tiên) đủ điều kiện tham gia kỳ thi bổ trợ bằng hình thức phỏng vấn để xét tuyển.

b) Xét tuyển kết hợp kết quả học THPT và các điều kiện ưu tiên

- Thí sinh có kết quả học tập đủ 3 năm THPT, đối với thí sinh được khen thưởng học sinh xuất sắc, học sinh giỏi 3 năm THPT; thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương còn hạn tính đến ngày xét; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố; thí sinh là học sinh trường chuyên, năng khiếu và trường THPT thực hành được cộng điểm ưu tiên;

Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm M1} + \text{Điểm M2} + \text{Điểm M3} + \text{Điểm cộng XT} + \text{ĐU'T}$$

Trong đó:

- Điểm M1 = (TB năm lớp 10 môn 1 + TB năm lớp 11 môn 1 + TB năm lớp 12 môn 1)/3;

- Điểm M2 = (TB năm lớp 10 môn 2 + TB năm lớp 11 môn 2 + TB năm lớp 12 môn 2)/3;

- Điểm M3 = (TB năm lớp 10 môn 3 + TB năm lớp 11 môn 3 + TB năm lớp 12 môn 3)/3;

- ĐU'T: Là điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Điểm cộng XT: Là tổng điểm cộng cho các thí sinh ĐKXT thuộc các đối tượng sau:

1/. Thí sinh là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành ĐKXT; Thí sinh là học sinh các trường chuyên, năng khiếu và trường THPT thực hành; Thí sinh được khen thưởng học sinh xuất sắc, học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11 và năm lớp 12 được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau:

Stt	Đối tượng	Điểm cộng xét tuyển
1	Giải Nhất cấp tỉnh	3,00
2	Giải Nhì cấp tỉnh	2,75
3	Giải Ba cấp tỉnh	2,50
4	Giải Khuyến khích cấp tỉnh	2,25
5	Được khen thưởng học sinh xuất sắc, học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11, lớp 12	3,00
6	Là học sinh lớp chuyên, năng khiếu các môn chuyên trong tổ hợp xét tuyển	3,00
7	Là học sinh trường chuyên không thuộc lớp chuyên, năng khiếu, trường THPT thực hành	2,25

Ghi chú: Thí sinh đạt nhiều giải thì được tính giải đạt cao nhất

2/. Thí sinh đạt giải trong các kỳ thi NCKH/KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cộng điểm vào điểm xét tuyển đối với các ngành thuộc lĩnh vực tương ứng với nội dung giải của kỳ thi như sau:

Stt	Đối tượng	Điểm cộng xét tuyển
1	Giải Nhất cấp Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	2,75
2	Giải Nhì cấp Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	2,50
3	Giải Ba cấp Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	2,25

Ghi chú: Thí sinh đạt nhiều giải thì được tính giải đạt cao nhất

3/. Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và tương đương còn thời hạn đến ngày xét tuyển được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau (Thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển):

Stt	Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
			Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
1	Tiếng Anh	IELTS	5.0 - 5.5	6.0 - 6.5	7.0 trở lên
		TOEFL Paper	477 - 510	513 - 547	550 trở lên
		TOEFL CBT	153 - 180	183 - 210	213 trở lên

		TOEFL IBT	53 - 64	65 - 78	79 trở lên
		TOEIC	601 - 700	701 - 900	901 trở lên
2	Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
3	Tiếng Hàn Quốc	TOPIK II	120 - 149	150 - 189	190 trở lên
4	Tiếng Nhật	JLPT	N4	N3	N2 trở lên
5	Tiếng Đức	TestDaF	TestDaF bậc 3	TestDaF bậc 4	TestDaF bậc 5 trở lên
		Goethe-Institut	Goethe-Instifikat B1	Goethe-Instifikat B2	Goethe-Instifikat C1 trở lên
6	Tiếng Pháp	CTF	300 - 399	400 - 499	500 trở lên
Điểm cộng xét tuyển			1,0 - 1,5	2,0 - 2,5	3,0

Ghi chú: Thí sinh đạt nhiều giải thì được tính giải đạt cao nhất

2.2.3. Phương thức 3: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia. Thí sinh đạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển được tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với môn thi. Cụ thể như sau:

Stt	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành xét tuyển
1	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Tất cả các ngành
2	Hóa học	Tất cả các ngành, trừ các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc
4	Tin học	Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật ô tô, Quản trị kinh doanh
5	Ngữ văn	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
6	Lịch sử, Địa lí	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
7	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành

- Có một trong những chứng chỉ sau được tuyển thẳng vào các ngành ngôn ngữ tương ứng và các ngành khác:

1/. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc VSTEP bậc 4 hoặc quy đổi tương đương trở lên cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác;

2/. Chứng chỉ tiếng Trung HSK từ cấp độ 3 trở lên cho ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và các ngành khác.

- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, NIIT, ARENA, APTECH;

- Tốt nghiệp phổ thông với văn bằng do nước ngoài cấp (*phải có công nhận văn bằng do Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận*).

2.2.4. Phương thức 4: Xét tuyển đối tượng đã tốt nghiệp 1 trình độ đào tạo (Trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương)

Kết quả trung bình học tập toàn khóa trung cấp, cao đẳng và đại học đạt loại Trung bình trở lên:

- Có bằng đại học hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có bằng cao đẳng hệ chính quy, nghề trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), hệ chính quy, hệ nghề (hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) của cùng ngành hoặc ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký xét tuyển.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Điểm xét tuyển các phương thức được quy đổi về thang điểm 30, khi có kết quả và phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, Nhà trường sẽ công bố công thức quy đổi.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

4.1. Danh sách các ngành/chuyên ngành/định hướng đào tạo

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
1	100 200 301 409 410 411 414 500	Công nghệ thông tin 1/. Tuyển sinh Chương trình liên kết đào tạo cử nhân quốc tế với Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ (Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ đào tạo và cấp bằng) 2/. Chuyên ngành Đồ họa kỹ thuật số	7480201	Công nghệ thông tin 1/. Tuyển sinh Chương trình liên kết đào tạo cử nhân quốc tế với Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ (Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ đào tạo và cấp bằng) 2/. Chuyên ngành Đồ họa kỹ thuật số	216 66	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A00, A01, A02, C01, C02, D01, X02, X06, X10, X26); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, A02, C01, C02, D01, X02, X06, X10, X26); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	
2	100 200 301 409	Quản trị kinh doanh 1/. Tuyển sinh Chương trình liên kết đào tạo cử nhân quốc tế với Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ (Trường Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh 1/. Tuyển sinh Chương trình liên kết đào tạo cử nhân quốc tế với Trường Đại học Keiser, Hoa Kỳ (Trường Đại học	150	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A00, A01, D01, D09, D10, D45, D65, X01, X25, X37); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00,	

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
	410 411 414 500	Keiser, Hoa Kỳ đào tạo và cấp bằng) 2/. Chuyên ngành: - Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo		Keiser, Hoa Kỳ đào tạo và cấp bằng) 2/. Chuyên ngành: - Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo		A01, D01, D09, D10, D45, D65, X01, X25, X37); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	
		- Truyền thông và Marketing số		- Truyền thông và Marketing số	60	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A00, A01, D01, D14, D15, D45, D65, X01, X25, X37); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, D01, D14, D15, D45, D65, X01, X25, X37); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học	

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
						tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	
3	100 200 301 409 410 411 414 500	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh du lịch	7220201	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh du lịch	100	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, C03, C04, D01, D09, D10, D14, D15, X25, X26); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01, C03, C04, D01, D09, D10, D14, D15, X25, X26); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
4	100 200 301 409 410 411 414 500	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung du lịch	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung du lịch	140	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, C00, C03, C04, D01, D04, D45, D65, X01, X37); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01, C00, C03, C04, D01, D04, D45, D65, X01, X37); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	
5	100 200 301 409	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1. Chuyên ngành Quản trị khách sạn	7810103	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1. Chuyên ngành Quản trị khách sạn	282 90	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, C00, C03, C04, D01, D04, D45, D65, X25, X37); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01,	

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
	410 411 414 500					C00, C03, C04, D01, D04, D45, D65, X25, X37); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	
6	100 200 301 409 410 411 414 500	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Ô tô điện - Quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Ô tô điện - Quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô	114	- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A00, A01, A02, C01, D01, D07, D10, X06, X25, X26); - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, A02, C01, D01, D07, D10, X06, X25, X26); - Xét tuyển thẳng; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và tương đương) (Kết quả trung bình học	

Stt	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã Ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
						tập toàn khóa đạt loại trung bình trở lên; Tốt nghiệp Trung cấp yêu cầu Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) theo quy định).	



4.2. Danh mục tổ hợp môn xét tuyển

Mã tổ hợp	Danh sách môn	Mã tổ hợp	Danh sách môn
A00	Toán, Vật lí, Hóa học	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung Quốc
A02	Toán, Vật lí, Sinh học	D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung Quốc
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	B01	Toán, Lịch sử, Sinh học
C01	Toán, Ngữ văn, Vật lí	B02	Toán, Địa lí, Sinh học
C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	B03	Toán, Ngữ văn, Sinh học
C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
C04	Toán, Ngữ văn, Địa lí	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	X06	Toán, Vật lí, Tin học
D04	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	X10	Toán, Hóa học, Tin học
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
D09	Toán, Tiếng Anh, Lịch sử	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh
D10	Toán, Tiếng Anh, Địa lí	X37	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Trung
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh		

4.3. Đào tạo đại học chính quy đối với người đã có bằng đại học hình thức đào tạo chính quy (liên thông để nhận thêm 1 bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng hai)

4.3.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp một bằng đại học không phân biệt hình thức đào tạo có nhu cầu học văn bằng đại học thứ 2.

- Thời gian đào tạo từ 1,5 - 2,5 năm (theo ngành đào tạo). Sinh viên tốt nghiệp sẽ được cấp bằng đại học trong hệ thống văn bằng quốc gia.

4.3.2. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo điểm trung bình học tập của trình độ đại học bằng thứ nhất;
- Điều kiện xét tuyển: Điểm trung bình kết quả học tập trình độ đại học bằng thứ nhất đạt từ **5.0 điểm** trở lên (Theo thang điểm 10) hoặc từ **2.0** trở lên

(Theo thang điểm 4).

4.3.3. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

- Ngành Ngôn ngữ Anh;
- Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc;
- Chỉ tiêu: 50 chỉ tiêu cho mỗi ngành.

4.3.4. Hồ sơ

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu;
- Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất (phô tô công chứng);
- Bảng điểm trung bình học tập của trình độ đại học bằng thứ nhất (phô tô công chứng);
- Căn cước công dân (phô tô công chứng);
- 02 ảnh 4 x 6 (ghi đầy đủ họ và tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh).

4.4. Đào tạo đại học chính quy đối với người đã tốt nghiệp 1 trình độ đào tạo (Trung cấp, Cao đẳng và tương đương)

4.4.1. Tốt nghiệp cao đẳng và tương đương

- a) Điều kiện: Có bằng cao đẳng hệ chính quy, nghề trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- b) Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh
Tuyển sinh tất cả các ngành, chỉ tiêu theo chương trình chuẩn (văn bằng 1) chính quy

c) Hồ sơ

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng (phô tô công chứng);
- Bảng điểm bằng tốt nghiệp cao đẳng (phô tô công chứng);
- Căn cước công dân (phô tô công chứng);
- 02 ảnh 4 x 6 (ghi đầy đủ họ và tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh).

4.4.2. Tốt nghiệp trung cấp và tương đương

- a) Điều kiện: Có bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), hệ chính quy, hệ nghề (hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) của cùng ngành hoặc ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký xét tuyển.

b) Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

Tuyển sinh tất cả các ngành, chỉ tiêu theo văn bằng 1 chính quy

c) Hồ sơ

- Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề (phô tô công chứng);
- Giấy chứng nhận đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông (04 môn) do cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác được phép đào

tạo trình độ trung cấp cấp.

Trong đó:

1/. 03 môn bắt buộc: Toán, Văn, Lịch sử

2/. 01 trong 4 môn lựa chọn: Vật lý, hóa học, sinh học, Địa lý

- Căn cước công dân (phô tô công chứng);

- 02 ảnh 4 x 6 (ghi đầy đủ họ và tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh)

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Xét tuyển theo điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng, phương thức và tổ hợp đăng ký xét tuyển. Thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng 1 không được xét các nguyện vọng tiếp theo. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Điểm trúng tuyển xác định theo từng ngành. Trường hợp thí sinh bằng điểm xét tuyển thì ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

5.2. Điểm cộng

Điểm cộng đối với phương thức xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT và các điều kiện ưu tiên những thí sinh có các điều kiện sau: Thí sinh được khen thưởng học sinh giỏi hoặc học sinh xuất sắc 3 năm THPT; Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên hoặc chứng chỉ tương đương; Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố; thí sinh là học sinh trường chuyên, năng khiếu và trường THPT thực hành được cộng điểm ưu tiên. Mức điểm cộng chi tiết xem tại điểm b, tiểu mục 2.2.2.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian đăng ký xét tuyển

- Thời gian đăng ký xét tuyển theo lịch và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh nộp hồ sơ từ ngày 01/01/2025 đến khi kết thúc thời hạn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đến khi hết chỉ tiêu.

- Hình thức và các điều kiện xét tuyển chi tiết xem tại mục 1 đến mục 4 của Nội dung II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

6.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tuyến trên website của trường: <https://phuxuan.edu.vn> hoặc scan hồ sơ gửi về email: chieusinh@pxu.edu.vn.

- Qua hệ thống website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trực tiếp tại văn phòng Tuyển sinh của nhà trường.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển tất cả các phương thức, lệ phí xét hồ sơ dự tuyển và ưu tiên cộng điểm: 80.000 đ/nguyên vọng.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro và hỗ trợ giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác

Hàng năm, Nhà trường có cấp học bổng, hỗ trợ tài chính theo chính sách Nhà nước và theo quy định của Trường.

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí được tính theo tín chỉ: 660.000 - 830.000 VNĐ/1 tín chỉ.
- Lộ trình tăng học phí dự kiến: tăng không quá 10%/năm.
- Thời điểm tăng học phí: đầu học kỳ của năm học mới (nếu có).

10.2. Học bổng và chính sách ưu đãi

Dành cho sinh viên nhập học hệ đào tạo chính quy năm 2025 lên đến 10.000.000 đồng, áp dụng cho các đối tượng: cán bộ Đoàn, lớp THPT; thuộc diện ưu tiên; học sinh trường chuyên, học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp tỉnh/thành phố; đăng ký xét tuyển sớm, đăng ký theo nhóm.

10.3. Thông tin liên hệ

- Website: <https://phuxuan.edu.vn/tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh/>
- Hotline: 0234.7306888
- Facebook: <https://www.facebook.com/phuxuan.edu.vn>
- Email: chieusinh@pxu.edu.vn
- Trực tiếp tại Phòng tuyển sinh, Trường Đại học Phú Xuân

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Stt	Mã tuyển sinh	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
1	100 200 301 414 500	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	54		15,00	34	47	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	157		18,00	177		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
2	100 200 301 414 500	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	11	15,00	10	-	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	85		18,00	105		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
3	100 200 301 414 500	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	38	52	15,00	18	62	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	107		18,00	127		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
4	100 200 301	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	66	15,00	15	88	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	70		18,00	80		18,00	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
	414 500				Tuyển thẳng	5			05			
5	100 200 301 414 500	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	81	16,00	15	140	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	85		18,00	100		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
6	100 200 301 414 500	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	27	00	17,00	-	-		
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	78		18,00	-			
					Tuyển thẳng	05			-			
7	100 200 301 414 500	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	18	15,00	40	31	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	207		18,00	237		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
8	100 200	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	28	67	16,00	18	74	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT	81		18,00	91		18,00	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
	301 414 500				(học bạ) Tuyển thẳng							
						05			05			
9	100 200 301 414 500	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	22	06	15,50	10	-	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	63		18,00	75	-	18,00	
					Tuyển thẳng	05			05	-		
10	100 200 301 414 500	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	16	07	15,50	6	01	15,00	
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	45		18,00	55		18,00	
					Tuyển thẳng	05			05			
11	100 200 301 414 500	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	28	00	15,00	-	-		
					Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	81		18,00	-			
					Tuyển thẳng	05			-			
12	100	Truyền thông đa phương	7320104	Truyền thông đa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	00	15,00	-	-		

Stt	Mã tuyển sinh	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
	200 301 414 500	tiện		phương tiện	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	75		18,00	-	-		
					Tuyển thẳng	05			-	-		
13	100	Quan hệ công chúng	7320108	Quan hệ công chúng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	00	16,00	-	-		
	200				Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	68		18,00	-	-		
	301								-	-		
	414								-	-		
	500				Tuyển thẳng	05			-	-		
	Tổng					1.685	360	-	1.823	443	-	

Cán bộ tuyển sinh



ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa

- Điện thoại: 0905930086

- Email: nghia.nguyen@pxu.edu.vn

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Duy Thuận